TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 951/2025/DS-PT
Ngày: 21-08-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng;

Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Bích Diệp

Ông Phan Trí Dũng

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Trần Ngọc Hoàng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 2 xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 249/2025/TLPT-DS ngày 23/6/2025 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2025/DS-ST ngày 14/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3578/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần N, địa chỉ: số B C, phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Trần Ngô Phúc V - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Hải Q, sinh năm 2001; có mặt;

2. Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1994; vắng mặt;

3. Ông Phạm Ngọc T1, sinh năm 1995; vắng mặt;

4. Ông Trần Dương H, sinh năm 1993; vắng mặt;

Cùng địa chỉ: SR18-SR19 Trung tâm thương mại Q1, G N, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là phường Q, tỉnh Gia Lai); cùng địa chỉ liên hệ: Lầu F, số D đường L, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Là những người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 05/3/2025).

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị H1, sinh năm 1974; địa chỉ: tổ E, ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Hoàng P, sinh năm 1997; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt;

2. Bà Lê Thị Mỹ H2, sinh năm 1998; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt;

Cùng địa chỉ: tổ E, ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Phan Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2024, Bản tự khai và trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N là ông Nguyễn Hải Q trình bày:

Bà Phan Thị H1 đã ký kết các Hợp đồng và Giấy nhận nợ để vay tiền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N với số tiền: 2.400.000.000 đồng. Cụ thể như sau: Hợp đồng tín dụng từng lần số 0273/2023/702-TD-CV ngày 29/11/2023; Hợp đồng thế chấp tài sản số 0091/2023/702-TD-BĐ ký ngày 29/11/2023; Giấy nhận nợ số 01/GNN-0273/2023/702-TD-CV ký ngày 30/11/2023. Chi tiết về khoản vay: Số tiền vay 2.400.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất 9.8%/năm. Lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần; Mục đích vay tiêu dùng mua sắm đồ dùng gia đình.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 0091/2023/702-TD-BĐ ký ngày 29/11/2023 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần N với bà Phan Thị H1 là: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 359, tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ CH03654 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 06/06/2014 cho bà Phan Thị H1.

Trong thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bà H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, kế hoạch trả nợ với Ngân hàng Thương mại Cổ phần N của bà H1 đã vi phạm các điều khoản cam kết trong hợp đồng tín dụng, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N. Vì vậy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết các yêu cầu sau: Tuyên buộc bà Phan Thị H1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N toàn

bộ số nợ gốc và lãi vay theo các Hợp đồng tín dụng đã ký, tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/3/2025 là: 2.582.389.647 đồng. Trong đó nợ gốc là 2.400.000.000 đồng; lãi quá hạn là 182.389.647 đồng; Trong thời gian chưa thanh toán nợ, bà Phan Thị H1 vẫn phải chịu lãi theo quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ; Khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, bà Phan Thị H1 vẫn không trả nợ theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản đã ký, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần N được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có yêu cầu như sau: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và gửi bảng kê tính lãi khách hàng Phan Thị H1 đến ngày 14/5/2025 như sau: Tổng số nợ còn phải thanh toán của bà Phan Thị H1 là 2.630.211.708 đồng, trong đó nợ vốn 2.400.000.000 đồng, lãi trong hạn 74.559.373 đồng, lãi chậm trả lãi 4.304.390 đồng, lãi quá hạn: 151.347.945 đồng, tiền lãi được tính từ ngày 15/5/2025 và sẽ được tính tiếp cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại Bản tự khai, Biên bản làm việc và trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Phan Thị H1 trình bày:

Tôi thống nhất về việc đã ký hợp đồng tín dụng, nội dung trong hợp đồng tín dụng như đại diện hợp pháp của Ngân hàng trình bày như trên. Tôi cho con của tôi là ông Lê Hoàng P mượn sổ đất, ông P và Ngân hàng làm các hồ sơ tín dụng, tôi là người ký vào Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp vì tôi là người đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng vì tôi chỉ là người cho con trai là ông Lê Hoàng P mượn sổ tạm thời. Tôi chỉ đồng ý trả cho Ngân hàng mỗi tháng tối đa 8.000.000 đồng, tối thiểu là 5.000.000 đồng cho đến khi hết khoản vay trên vì tôi là người đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại cấp phúc thẩm, bà H1 nộp bản tường trình có nội dung: Năm 2021, tôi có cho con trai Lê Hoàng P mượn sổ đỏ thế chấp Ngân hàng N để kinh doanh bất động sản với số tiền 2 tỷ theo phương thức trả dần, thời hạn là 15 năm. Do mấy năm sau bất động sản đóng băng và cộng thêm bị ông P1 sinh năm 1983 lừa vụ tách thửa hết 1 tỷ 650 triệu nên con tôi phải đi trả tiền hoàn sổ lại cho những người mà con tôi đã nhận, cộng thêm tiền xăng đi lại, tổng cộng con tôi phải mất gần 4 tỷ đồng nên không có khả năng trả góp cho Ngân hàng.

Do vậy, Ngân hàng làm hồ sơ hợp đồng lại với số tiền 2,4 tỷ. Hiện tại sổ thế chấp tên tôi Phan Thị H1 đang nợ ngân hàng tiền nợ gốc là 2,4 tỷ đồng và mấy tháng tiền lãi. Với số tiền nợ trên, đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho tôi được trả góp 1 năm khoảng 100 triệu đồng với phương thức trả theo quý vì lương hưu của tôi một tháng chỉ có 4,6 triệu đồng.

Tại Bản tự khai ngày 10/4/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Mỹ H2 trình bày:

Tôi và mẹ Phan Thị H1 chỉ đồng ý cho anh trai tôi là Lê Hoàng P mượn tạm sổ đỏ để kinh doanh. Mong Tòa xem xét cho mẹ tôi trả góp. Tại biên bản xem

xét thẩm định tại chỗ ngày 21 tháng 3 năm 2024: Phần đất bà H1 thế chấp cho Ngân hàng trên đất có 01 căn nhà cấp 4, tường xây tô, nền lót gạch men trần lợp la phông, cửa kính khung sắt, phía trước là 01 nhà vòm khung sắt, lợp tôn, nền bê tông, căn nhà hiện nay do bà H1 quản lý, sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số cấp vào sổ CH03654 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 06/06/2014 cho bà Phan Thị H1.

Quá trình tố tụng tại cấp phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng P trình bày:

Ngày 08/12/2021, tôi có mượn sổ đỏ của mẹ tên Phan Thị H1 thế chấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N để vay số tiền 2 tỷ đồng, theo phương thức trả dần để kinh doanh bất động sản.

Sau đó, bất động sản bị đóng băng tôi không thể trả lãi và gốc cho ngân hàng. Do đó ngân hàng đã làm hợp đồng lại và số tiền là 2,4 tỷ. Do đất đóng băng nên làm ăn thua lỗ cộng thêm tôi bị ông P1 lừa 1 tỷ 650 triệu đồng về việc tách thửa làm sổ. Bản thân tôi phải đi hoàn trả tiền lại cho chủ mà tôi nhận cộng thêm tiền xăng đi lại nhiều lần. Tổng cộng tôi phải mất số tiền là gần 4 tỷ đồng. Vì vậy, tôi đã giao hết trách nhiệm cho mẹ Phan Thị H1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2025/DS-ST ngày 14/5/2025, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh) đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N với bị đơn bà Phan Thị H1 về việc tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

- Buộc bà Phan Thị H1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N tổng số tiền 2.630.211.708 (hai tỷ sáu trăm ba mươi triệu hai trăm mười một nghìn bảy trăm lẻ tám) đồng, trong đó nợ vốn 2.400.000.000 (hai tỷ bốn trăm triệu) đồng, lãi trong hạn 74.559.373 (bảy mươi bốn triệu năm trăm năm mươi chín nghìn ba trăm bảy mươi ba) đồng, lãi chậm trả lãi 4.304.390 (bốn triệu ba trăm lẻ bốn nghìn ba trăm chín mươi) đồng, lãi quá hạn: 151.347.945 (một trăm năm mươi mốt triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Phan Thị H1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng từng lần số: 0273/2023/702-TD-CV ngày 29/11/2023 và Giấy nhận nợ số: 01/GNN-0273/2023/702-TD-CV ký ngày 30/11/2023.

Trường hợp bà Phan Thị H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 0091/2023/702-TD-BĐ ký ngày 29/11/2023 được ký công chứng tại Văn phòng C giữa bà Phan Thị H1 và Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 02/6/2025 của bị đơn bà Phan Thị H1 có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2025/DS-ST ngày 14/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh).

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Ngân hàng yêu cầu bà H1 trả số tiền 2.630.211.708 đồng, bà H1 đề nghị được trả góp cho Ngân hàng. Tuy nhiên, điều này là không được các bên thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để giữ nguyên toàn bộ bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị H1 là trong thời hạn luật định. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[1.2] Tại cấp phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng P và bà Lê Thị Mỹ H2 có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ theo Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với Hợp đồng tín dụng:

[2.1.1] Bà Phan Thị H1 vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N theo Hợp đồng tín dụng từng lần số: 0273/2023/702-TD-CV ngày 29/11/2023; Hợp đồng thế chấp tài sản số: 0091/2023/702-TD-BĐ ký ngày 29/11/2023; Giấy nhận nợ số: 01/GNN-0273/2023/702-TD-CV ký ngày 30/11/2023. Theo đó, bên cấp tín dụng là Ngân hàng Thương mại Cổ phần N, bên được cấp tín dụng là bà Phan Thị H1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần N cho bà H1 vay số tiền số tiền 2.400.000.000 đồng để tiêu dùng mua sắm đồ dùng gia đình, thời hạn vay 12 tháng trả vốn cuối kỳ, lãi suất 9.8%/năm. Lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 0091/2023/702-TD-BĐ ký ngày 29/11/2023 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần N với bà Phan Thị H1 là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 359, tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH03654 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 06/06/2014 cho bà Phan Thị H1. Trong thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bà H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh.

Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, bị đơn bà H1 thống nhất như lời trình bày của đại diện hợp pháp của ngân hàng về việc giao kết và thực hiện hợp đồng tín dụng. Do đó, đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.1.2] Xét thấy, hình thức và nội dung của các Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ nêu trên phù hợp với các quy định tại Điều 117 và 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (sửa đổi, bổ sung năm 2023). Đồng thời, các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện giao kết các văn bản tín dụng, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, các Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ nêu trên là hợp pháp, có hiệu lực pháp luật, bắt buộc các bên phải thi hành.

[2.1.3] Trong quá trình vay, bà Phan Thị H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả nợ đúng hạn với Ngân hàng là vi phạm thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã giao kết. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/5/2025), Ngân hàng yêu cầu bà H1 phải thanh toán tổng số tiền nợ là 2.630.211.708 đồng, trong đó nợ vốn 2.400.000.000 đồng, lãi trong hạn 74.559.373 đồng, lãi chậm trả lãi 4.304.390 đồng, lãi quá hạn: 151.347.945 đồng. Ngoài ra, bà H1 còn phải thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ tính từ ngày 15/5/2025 cho đến khi giải quyết xong vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 100 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 (trước đây là khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017).

[2.2] Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản:

[2.2.1] Ngày 29/11/2023, bà Phan Thị H1 và Ngân hàng Thương mại Cổ phần N giao kết Hợp đồng thế chấp tài sản số: 0091/2023/702-TD-BĐ được công chứng tại Văn phòng C. Xét thấy, Hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm, là phù hợp theo Điều 319 của Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 3 Điều 167 của Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về đăng ký biện pháp bảo đảm. Đồng thời, các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện giao kết các văn bản trên. Do đó, các Hợp đồng thế chấp là hợp pháp, có hiệu lực pháp luật, bắt buộc các bên phải thi hành. Khi bên thế chấp vi phạm nghĩa vụ với bên nhận thế chấp, bên nhận thế chấp có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

[2.2.2] Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/3/2025, phần đất bà H1 thế chấp quyền sử dụng đất cho Ngân hàng có một căn nhà cấp 4, tường xây tô, nền lót gạch men trần lợp la phông, cửa kính khung sắt, phía trước là 01 nhà vòm khung sắt, lợp tôn, nền bê tông, căn nhà hiện nay do bà H1 quản lý, sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số cấp vào sổ CH03654 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 06/06/2014 cho bà Phan Thị H1. Như vậy, bà H1 đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà H1 là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2.2.3] Trường hợp bà H1 thanh toán hết toàn bộ khoản nợ trên cho Ngân hàng mà không qua xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho bà H1 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 322272 vào sổ cấp GCN: CH03654 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 06/6/2014, cập nhật biến động ngày 11/11/2019, 23/11/2021, 10/12/2021 và 13/12/2021 đối với thửa đất số 359, tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh).

[2.3] Theo Biên bản làm việc ngày 02/6/2025, bị đơn bà H1 xác định các lý do kháng cáo như sau:

[2.3.1] Thứ nhất, bà H1 không đồng ý với việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần N trình bày mục đích vay của bà là mua sắm đồ dùng gia đình mà thực tế là bà cho con trai là ông Lê Hoàng P vay để kinh doanh bất động sản. Xét thấy, theo Hợp đồng tín dụng ngày 29/11/2023, mục đích vay vốn được ghi nhận là "Mua đồ dùng, trang thiết bị gia đình trong nước" (bút lục 40) là phù hợp theo Điều 7, 8 và 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (sửa đổi, bổ sung năm 2023). Việc bà H1 sử dụng vốn vay không đúng mục đích là lỗi của bà H1, không phải là cơ sở để từ chối việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng.

[2.3.2] Thứ hai, ý kiến của bị đơn bà H1 được ghi nhận trong bản án không đầy đủ với lời khai của bà trong quá trình làm việc ở Tòa án. Tuy nhiên, hồ sơ vụ án và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp là đầy đủ để chứng minh cho việc nợ gốc và lãi của bà H1. Tại cấp phúc thẩm, bà H1 đã chủ động cung cấp lời trình bày và Tòa án cấp phúc thẩm đã ghi nhận. Do đó, lý do kháng cáo này của bà H1 là không có cơ sở chấp nhận.

[2.3.3] Thứ ba, bà H1 chỉ đồng ý trả nợ gốc 2.400.000.000 đồng, lãi trong hạn 74.559.373 đồng, lãi chậm trả lãi là 4.304.390 đồng, còn số tiền lãi quá hạn là 151.347.945 đồng thì không đồng ý trả. Xét thấy, Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ có hiệu lực pháp luật theo phân tích tại mục [2.1] nêu trên, do đó lời trình bày của bà H1 là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, bị đơn bà Phan Thị H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng không cung cấp được chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án. Tại cấp phúc thẩm, bà H1 kháng cáo đề nghị được trả góp số nợ nhưng nguyên đơn không chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đảm bảo quyền và lợi ích các bên, xét xử phù hợp

với quy định pháp luật. Do đó, kháng cáo của bà H1 là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Phan Thị H1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị H1.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2025/DS-ST ngày 14/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn bà Phan Thị H1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm tại các Biên lai tạm ứng án phí số 0006430 ngày 04/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND khu vực A – TP.HCM;
- Phòng THADS Khu vực A – TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án (14).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng